

Khmer Republic



và

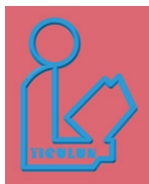
**NƯỚC BẠN ĐỒNG MINH**

**HOA KỲ**



**Sisowath Sirik Matak**  
và nước bạn đồng minh  
Hoa Kỳ

**LÊ BÁ HÙNG**  
**KIM THANH**



**Paris \* 04.2025**

**Bìa : *M. C. P***  
**Nguồn : *Internet***

**Sisowath Sirik Matak**  
**và nước bạn đồng minh**  
**Hoa Kỳ**



## **Mục lục**

- |                                                      |    |
|------------------------------------------------------|----|
| 1. Lê Bá Hùng                                        | 9  |
| Sisowath Sirik Matak và nước bạn đồng<br>minh Hoa Kỳ |    |
| 2. Kim Thanh                                         | 21 |
| Lá thư lịch sử của Sisowath Sirik Matak              |    |

Lê Bá Hùng viết dựa theo (với câu tự hỏi “Tại sao con người hay quên?” và “Tại sao cứ phải dựa vào Mỹ?”):



Từ trái qua phải :

Sisowath Sirik Matak, LonNol và In Tam.

Hoàng thân *Sisowath Sirik Matak* (22 tháng giêng năm 1914 – 21 tháng 4 năm 1975) là một thành viên của Hoàng gia Kampuchia thuộc triều đại Varman.

Sirik Matak chính yếu được biết đến qua sự nghiệp trên chính trường Kampuchia, đặc biệt là đã tham gia cuộc đảo chính trong năm 1970 chống lại người anh em họ là Hoàng tử Norodom Sihanouk và sau đó là lên cầm quyền cùng với Lon Nol để điều khiển Nước Cộng hòa Kampuchia.

Hiền thê là Công Chúa Mechas Norodom Kethneari , sinh ngày 22 tháng giêng năm 1914, đã sinh hạ 3 trai và 3 gái, mà thân phụ là Sisowath Rot-tari với thân mẫu là Troeung Yoeum.

Bà mất theo chồng ngày 21 tháng 4 năm 1975.

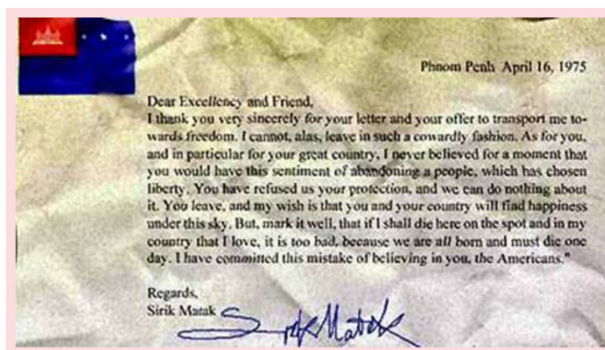
## **Nam Vang Thất Thủ**

Bọn cộng sản Khmer Đỏ bắt đầu cuộc tấn công mùa khô để chiếm thủ đô Campuchia đang bị bao vây vào tháng giêng năm 1975. Ngày 1 tháng 4 năm 1975, Tổng thống Lon Nol từ chức và bỏ nước ra đi lưu vong ở Hawaii. Khmer Đỏ bèn công bố một “danh sách phải xử tử” với tên của Hoàng Thân trên đầu danh sách và rồi các lực lượng của chúng đã bao quanh cô lập thủ đô.

Ngày 12 tháng 4 năm 1975, Đại sứ Hoa Kỳ tại Kampuchia là John Gunther Dean đã ngõ ý sẵn sàng cung cấp quy chế tỵ nạn ở Hoa Kỳ cho các viên chức

cấp cao của nước Cộng hòa Kampuchia nhưng Sirik Matak, Boret và Lon Non cùng với các thành viên khác của nội các Lon Nol đều đã khước từ – mặc dù tên của Boret và Sirik Matak đã bị bọn Khmer Đỏ đặt trong danh sách “Bảy Tên Phản Quốc” tuyệt đối cần phải giết.

Hoàng Thân Sirik Matak đã chính thức gửi thư trả lời cho đại sứ Mỹ như sau:



*Dear Excellency and Friend,*

*I thank you very sincerely for your*

*letter and your offer to transport me towards freedom. I cannot, alas, leave in such a cowardly fashion. As for you and in particular for your great country, I never believed for a moment that you would have this sentiment of abandoning a people which has chosen liberty. You have refused us your protection and we can do nothing about it. You leave, and it is my wish that you and your country will find happiness under this sky. But, mark it well, that if I shall die here on the spot and in my country that I love, it is too bad, because we are all born and must die one day. I have only committed this mistake of believing in you, the Americans.”*

*Regards,*

*Prince Sirik Matak.*

“Kính gửi Ngài và Bạn,

Tôi chân thành cảm ơn lá thư của Ngài cùng nhã ý đưa tôi đi tìm tự do. Nhưng than ôi, tôi làm sao mà có thể ra đi một cách hèn nhát như vậy được. Đối với Ngài và đặc biệt đối với cái đất nước vĩ đại của Ngài, tôi đã không bao giờ, dù chỉ trong một khoảng khắc, nghĩ là quý vị sẽ lại đành bỏ rơi một dân tộc mà đã quyết định chọn tự do. Ngài đã chối từ chấm dứt bảo vệ chúng tôi và chúng tôi thì cũng không thể làm gì hơn trước việc này. Ngài ra đi, và xin chúc Ngài cùng đất nước của Ngài rồi đây sẽ tìm ra được hạnh phúc dưới bầu trời này. Nhưng, xin hãy nhớ kỹ là, nếu tôi phải chết ngay tại chỗ và trên đất nước tôi yêu kính, thì mặc kệ tôi, vì tất cả chúng ta ai cũng đều được sinh ra và rồi một ngày nào đó cũng sẽ phải chết. Tôi chỉ đã phạm cái lỗi lầm là

lỡ đem niềm tin đặt nơi quý vị, những người Mỹ.

Trân trọng.

Sirik Matak.”

Thơ này đã được chụp lại và có trong quyển *Autrefois, Maison Privée*, một sách hình của tác giả Bill Burke.

Ngay sau khi việc đầu hàng của chính phủ Lon Nol với bọn Khmer Đỏ đã được chính thức công bố thì Sirik Matak tìm cách lánh nạn tại khách sạn Hotel Le Phnom, nơi mà Hội Hồng Thập Tự Quốc Tế đã đang cố gắng biến thành một khu vực an toàn. Nhưng Ông đã bị đuổi đi một khi Hội này biết được là tên của ông nằm trong danh sách “Bảy Tên Phản Quốc”. Khi ra khỏi khách sạn

này thì Hoàng Thân Sirik Matak đã có nói chuyện với các phóng viên và phân phối các bản sao của thư ông đã gửi cho Đại sứ Dean. Theo quyển *Facing Death in Cambodia* của Peter H. Maguire, do Columbia University Press xuất bản, thì François Bizot, một sử gia Pháp về Phật giáo và cũng là một nhân chứng sống, đã kể lại là Hoàng Thân Sirik Matak sau đó đã tới xin tỵ nạn chính trị tại Tòa Đại sứ Pháp và Khmer Đỏ liền hăm dọa sẽ vô đó để cưỡng bách bắt đi một số đương sự mà chúng muốn nếu họ không tự nguyện ra khỏi đó. Với Phó Lãnh sự Pháp Jean Dyrac và nhà báo Jon Swain đi cùng, Bizot chịu nhận trách nhiệm thông báo cho Sirik Matak rằng ông sẽ phải bị giải giao cho Khmer Đỏ. Sirik Matak và các viên chức mà vẫn còn ở lại với ông thì chắc đều đã bị bọn Khmer Đỏ hành quyết vào ngày 21 tháng tư năm 1975.

Các chi tiết chính xác về cái chết của ông đã không được rõ ràng, nhưng Si-hanouk đã có nhận được tin xác nhận là Sirik Matak, cùng với Long Boret, đã đơn giản bị xử bắn tại Hội Cercle Sportif ở Nam Vang ngày 21 tháng 4; một số báo cáo khác thì lại nói là ông đã bị chặt đầu. Tuy nhiên, Henry Kissinger và một số người khác thì lại viện dẫn một báo cáo cho là Sirik Matak đã bị bắn trúng bụng và bỏ nằm không ai săn sóc trong vòng ba ngày cho tới khi chết.

\*

Con trai của Hoàng Thân là Sisowath Sirirath (1946 – ?) nguyên là một trong những lãnh tụ của Đảng FUNCINPEC.

“Bảy Tên Phản Quốc” đã là Sirik Matak, Lon Nol, Sơn Ngọc Thành, In Tam, Long Boret, Cheng Heng và Sos-

thene Fernandez. Đọc Karl D. Jackson, Cambodia, 1975-1978: Rendezvous with Death, Princeton University Press, 1992, trang 50.

Trích Lời Hoàng Thân Sisowath Sirik Matak :

Tôi hiểu thái độ của Mỹ khi không muốn can thiệp vào công việc nội bộ của chúng tôi. Nhưng nếu Hoa Kỳ tiếp tục hỗ trợ một chế độ như vậy thì rồi chúng tôi cũng sẽ rơi vào tay cộng sản thôi. Quý vị nên giúp đỡ cho một dân tộc đang chỉ muốn được sống tự do. Ngược lại khi quý vị ủng hộ một chế độ không được lòng dân thì đó là quý vị đang giúp cho cộng sản

Con người sinh ra rồi cũng sẽ chết.

Tôi sẽ không đi đâu cả. Tôi sẽ ở lại đây và chấp nhận mọi điều sẽ xảy ra. Chúng sẽ bắt tôi. Nếu chúng giết tôi thì cũng sao đâu? Tôi ở lại đất mẹ của tôi.

Tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì là quý vị sẽ không ngần ngại thẳng đưa đất nước đau khổ của chúng ta đến thảm họa mà thôi. Hãy từ bỏ ảo mộng treo đồ trên trăng sao, rốt cuộc thì chúng cũng sẽ rơi rụng nát tan mà thôi, và bầu trời sẽ cũng sụp đổ xuống đầu quý vị, quý vị chỉ là những con bù nhìn già nua, và rồi Trời cũng sẽ chôn đất nước Kampuchia chung với kẻ độc tài! Tôi sẽ không còn chấp nhận để cái quốc gia đáng tởm của quý vị lợi dụng tên tuổi của tôi nữa: tôi từ nhiệm.



**Lá thư đầy nghĩa khí và tiết tháo**

**Lá Thư Lịch Sử của**

**Sisowath Sirik Matak**

**(Cố Thủ Tướng Kampuchia)**

**gửi cho ông Đại Sứ Hoa Kỳ (1975)**



Vào tháng 4 năm 1975, khi quân đội  
Cộng sản Khmer Đỏ Pol Pot đang trên

đường tiến vào Nam-Vang thì người Mỹ đã mời Thủ tướng Sirik Matak và toàn bộ chính phủ Miên nên ra đi, vì ở lại thì sẽ bị Khờ Me Đỏ sát hại.

Ngày 16 tháng 4 năm 1975, Thủ tướng Sirik Matak đã viết một lá thư vô cùng cảm động gửi cho Đại sứ Mỹ tại Nam-Vang là ông John Gunther Dean. Lá thư đầy nghĩa khí và tiết tháo của một người anh hùng “sinh vi tướng, tử vi thần” như sau:

Phỏng Dịch.

Nam Vang ngày 16 tháng 4 năm 1975.

Thưa Ngài và Bạn,

Tôi thành thật cảm tạ ngài đã viết thư và còn đề nghị giúp tôi phương tiện đi tìm tự do.

Than ôi ! Tôi không thể bỏ đi một cách hèn nhát như vậy!

Với Ngài (đại sứ John Gunther Dean) và nhất là với xứ sở vĩ đại của Ngài , không bao giờ tôi lại tin rằng quý vị đã nhẫn tâm bỏ rơi một dân tộc đã lựa chọn tự do .

Quý vị từ chối bảo vệ chúng tôi và chúng tôi chẳng thể làm được gì hết.

Ngài ra đi, tôi cầu chúc Ngài và xứ sở của Ngài được hạnh phúc dưới bầu trời này ..

Nhưng, xin hãy nhớ kỹ là, nếu tôi phải chết ngay tại chỗ và trên đất nước tôi yêu kính, thì mặc kệ tôi, vì tất cả

chúng ta ai cũng đều được sinh ra và rồi một ngày nào đó cũng sẽ phải chết.

Tôi chỉ đã phạm cái lỗi lầm là lỡ đem niềm tin đặt nơi quý vị, những người Mỹ. Tôi chỉ ân hận một điều là đã quá tin và trót tin ở nơi quý vị, những người bạn Hoa Kỳ !

Xin Ngài nhận những cảm nghĩ chân thành và thân hữu của tôi.

Sirik Matak

Sau ngày 17 tháng 4 năm 1975, tổng cộng có 150 người trong chính phủ Miên đã di tản theo người Mỹ. Còn lại toàn bộ chính phủ Miên đều bị giết hết. Riêng gia đình ông Sisowath Sirik Matak, từ con cháu đến các người giúp việc trong nhà ông đều bị Khmer Đỏ sát hại.

PHNOM PENH, NGÀY ẤY  
CÒN ĐÂU?

KIM THANH

*LTS: Kính anh Kim Thanh, tôi nhận được bài này của anh từ một độc giả xa lạ gửi đến, bài viết thật hay và thật xúc động khiến tôi không thể không đăng được. Tuy nhiên, để bảo vệ trang Blog mong manh này, xin anh cho phép tôi được lược bớt vài câu mà người ta hay gọi là “nhạy cảm”. Rất mong anh không phiền trách. Cám ơn anh rất nhiều. Blog Lê Trái*

S iữa tháng 7 năm 1971, tôi đang dẫn một trung đội tăng phái hành quân theo chiến dịch Phụng Hoàng tại một quận lỵ thuộc Tiểu khu Khánh Hòa thì nhận được lệnh của Bộ Tổng Tham Mưu về Sài Gòn trình diện. Đối với một sĩ quan cấp nhỏ, trung úy như tôi, đó là một tin vui lớn. Không cần biết về làm gì. Ít nhất được xa chiến trường một thời gian.

Về Sài Gòn, tôi được Bộ Tổng Tham Mưu cho biết phải đi Phnom Penh làm thông dịch viên Pháp ngữ cho Phái Đoàn Liên Lạc Quân Sự. Từ ngày VNCH đưa quân sang xứ Chùa Tháp, nhiệm vụ của Phái Đoàn, như tên gọi, rất cần thiết trong việc liên lạc giữa hai quân đội bạn. Nhận sự vụ lệnh, tôi nghĩ đến nỗi thất vọng của ba mẹ tôi luôn mong ước tôi được làm việc tại Bộ Tổng Tham Mưu,

nhàn hơn, thò hơn chẳng. Cam Bốt, lúc ấy, cũng đang toi bởi khói lửa.

## I. Phái Đoàn Liên Lạc Quân Sự:

Ở chơi Sài Gòn ba ngày, tôi đi Phnom Penh bằng C47, chuyến bay đặc biệt chở đồ tiếp tế cho Phái Đoàn. Hơn một giờ sau, đến phi trường Pochengton. Trời nóng không thua gì Sài Gòn. Một thiếu úy còn trẻ, kém tôi độ vài tuổi, mặt mày trắng trẻo, mang súng ru-lô xệ ngang hông như cao-bồi Texas thứ... giả, trên mép gắn hờ điều thuốc chưa đốt kiểu James Dean, một chân gác, nhịp nhịp, trên cây càn phía đầu xe jeep trắng, mang bảng số ẩn tể. Một tốp quân nhân, trong số có một thượng sĩ già, bước xuống máy bay, lên xe. Thấy tôi còn đứng lóng ngóng, anh thiếu úy không chào, chỉ hất

hàm hỏi, “ông về Phái Đoàn hả, lên luôn, mắc cỡ gì nữa”. Dĩ nhiên, tôi thấy khó chịu, nhưng tự nhủ, đừng nóng, sẽ tính sau. Một chiếc xe dân sự khác chở đầy vật dụng đem xuống từ máy bay.

Xe chạy bon bon trên những đường phố vắng, và đặc biệt rất sạch, có những hàng cây thẳng tắp hai bên đường cành lá sum suê, và những vườn hoa rực rỡ sắc màu. Vừa lái, anh thiếu úy tự giới thiệu, Nguyễn An Hòa, và sau này, tôi biết thêm anh là con của Trung tướng Nguyễn Văn Mạnh, Tham mưu trưởng Liên quân, ở trong Phái Đoàn, giữ một chức mà chính anh gọi đùa là “trưởng ban cà nhong”, muốn làm gì thì làm.

Sau hơn nửa giờ, đến trụ sở Phái Đoàn Liên Lạc Quân Sự, một building đồ sộ trên đường Norodom. Tôi được đưa thẳng lên lầu hai trình diện Trưởng

phái đoàn, Đại tá Tô Văn Kiếm. Ông dáng gầy, tầm thước, rất ít nói, nét mặt khắc khổ, nhưng hiền lành, đôi mắt biểu lộ một tấm lòng nhân hậu. Lần đầu gặp ông, tôi thấy có cảm tình ngay và an tâm. Rồi ông dẫn tôi đến một phòng lớn, toàn là sĩ quan cấp tá đang ngồi làm việc, và giới thiệu:

– Trung úy Nguyễn Kim Quý, thông dịch viên mới của Phái Đoàn.

Có đủ các Phòng Ban, các ngành Hải, Lục, Không quân. Tôi còn nhớ bên Hải quân có Thiếu tá trẻ tên Khôi (quên họ), Không quân có Trung tá phi công già Trịnh Hảo (Văn?) Tâm. Có Trung tá Nguyễn Kiên Hùng, TQLC, người hùng trong vụ đảo chánh cụ Diệm năm 1960, ở phòng 2 hay 4. Đặc biệt có Trung tá Nguyễn Văn Nam, trưởng phòng 5, chồng của nghệ sĩ Mộng Tuyền, dáng dấp hào

hoa phong nhã. Trung tá Nam bước đến vỗ vai tôi, bắt tay, thân mật, nói liền một câu tiếng Pháp, giọng khàn khàn:

– Bienvenu, mon frère!

Dân CTCT có khác, tôi khen thầm. Đại tá trưởng Phái Đoàn cho tôi nghỉ ba hôm, để quen nước quen cái. Ngủ trong dãy phòng sĩ quan cấp úy, gồm các phi công, sĩ quan hải quân, và bộ binh biệt phái công tác ngắn hạn, nghĩa là mới thấy đã biến đâu mất. Ăn tại “phạn xá”, dành cho sĩ quan cơ hữu, nghĩa là làm việc thường trực tại Phái Đoàn. Mỗi người góp tiền hàng tháng cho hai binh sĩ “hỏa đầu quân” đi chợ và nấu ăn chung.

Nguyễn An Hòa đưa tôi đi thăm một vòng building: phòng truyền tin, tiếp liệu, nhà bếp, nhà tắm, phòng ngủ của các hạ sĩ quan, binh sĩ. Tất cả đều

chào đón tôi vui vẻ, niềm nở. Phòng Y tế có một bác sĩ và một y tá. Y sĩ trưởng là Thiếu tá Trương Kim Thành rất cởi mở, dễ mến. Sau này, khi rảnh việc, tôi hay mò đến phòng Y tế không phải để xin thuốc, vì lúc ấy còn trẻ đầu cần, nhưng để tán gẫu với anh về đủ chuyện, kể cả văn chương, nghề của tôi, và chữa bệnh hoa liễu, nghề của... chàng.

Tôi được chia văn phòng với Thiếu tá Son Sanjivith, sĩ quan liên lạc của quân đội Cam Bốt tại Phái Đoàn VNCH, sáng đến chiều đi, luôn mặc quân phục kaki vàng ủi thẳng nếp, mang cấp bậc trên cầu vai như lon Pháp, đeo kính trắng, dáng dấp quan văn hơn quan võ. Son Sanjivith nói anh là con của cựu Thủ tướng Cam Bốt Sơn Ngọc Thành – thủ tướng năm 1945 và 1972, bị ám sát hụt, đày về Việt Nam, rồi sau 1975 bị Việt Cộng bắt và

chết trong khám Chí Hòa năm 1977 – và cháu của chính trị gia Sơn Ngọc Minh. Tôi cũng không hỏi thêm. Anh không nói được tiếng Việt. Buổi sáng đầu tiên tôi vào nhận việc, anh pha cà phê mời tôi uống, nói chuyện bù khú với nhau gần một giờ xài nhiều tiếng lóng Pháp, cười thích thú, bên khung cửa sổ, nhìn xuống con đường phía sau, song song với đại lộ Norodom. Rồi ai về bàn nấy. Anh ngồi cuối phòng, còn tôi gần cửa ra vào.

Phái Đoàn Liên Lạc Quân Sự không có thông dịch viên khá lâu, vì người tiền nhiệm của tôi, mãn hạn ba tháng, chưa có ai thay, nên giấy tờ ứ đọng. Giấy tờ không có gì “mật”, cũng thường thôi, của quân đội – đôi khi của chính phủ – Cam Bốt, viết bằng tiếng Pháp, gửi Phái Đoàn, nhờ chuyển cho Bộ Tổng Tham Mưu Sài Gòn. Trước khi đến bàn thô-

ng dịch viên, văn thư đã được đọc bởi Đại tá Kiếm. Thư nào cần dịch ra tiếng Việt, và ngược lại, ông ghi “à traduire”. Thư trả lời, ông viết bằng tiếng Việt, mặc dù rất giỏi Pháp ngữ, cũng như các trưởng phòng, nhưng ông muốn có một bản dịch do một “chuyên viên” chính thức chịu trách nhiệm. Đôi khi ông gợi ý cho tôi trả lời bằng tiếng Pháp những bức thư không quan trọng. Ông rất hài lòng về những bản dịch của tôi, khen tôi trước các sĩ quan khác, và để tưởng thưởng, ông cho phép tôi, sau khi nộp bản dịch trong ngày, được đi chơi tùy thích, không phải ngồi “làm cảnh” ở văn phòng. Tôi thầm cảm ơn Thượng Đế cho tôi thêm một vị chỉ huy quá tốt, giữa những vị chỉ huy quá tốt khác trong suốt đời lính.

Được phép, nhưng tôi lại không ra

ngoài, thích ở văn phòng đọc sách, trừ khi Hòa đến rủ. Mà Hòa thì khoái đi lắm. Đúng hơn, khoái đi với tôi, có lẽ vì đồng trang lứa, đồng cấp úy, có lẽ vì tôi dễ tính, lôi đi đâu cũng được. Quen nhau, tôi thấy Hòa là một người bạn tốt, thẳng thắn, dễ thương, không bao giờ nói hoặc chơi xấu ai, dù bề ngoài có vẻ ngang tàng, bất cần của một công tử Con Ông Cháu Cha. Bên ly rượu, giữa hai làn khói thuốc, Hòa thường tâm sự về cuộc đời, ái tình, sự nghiệp của mình, và tôi được biết anh rất đắt dào, trong số có một ca sĩ cải lương trẻ đang lên mà anh xem như bồ ruột – đôi lúc dự tính “rước em dzì dzinh luôn”, anh vui miệng kể.

Ra phố, Hòa và tôi diện áo quần dân sự, nhưng không quên lặn lưng cây súng, juste dans le cas où...(chỉ trong trường hợp) Hòa thường khoe cây mini-

Colt đẹp, đẹp, nhỏ xiu, như cái hộp quẹt ga, tôi không chắc hẳn có chết ai không. Ngoài những chiều Chúa Nhật dự thánh lễ tại nhà thờ Chánh tòa, nơi gặp gỡ của thành phần thượng lưu Cam Bốt cũng như ngoại quốc, nhất là Pháp, tôi xuống phố, một mình hay với Hòa, cũng chỉ để vào những tiệm ăn Tây, gần trụ sở Phái Đoàn gọi món poulet à la marengo hay civet au lapin, nhấp nháp vài ly rượu vang Bordeaux chánh hiệu. Hoặc lòng vòng quanh Chợ Trung ương (Marché Central) gần đại lộ Monivong và de Gaulle, ăn hủ tiếu Nam Vang – gọi là chính gốc Nam Vang, mà dở tệ hơn mì gói trứng nước sôi. Hoặc lượn trước cửa Lycée Preah Norodom, ngắm các tiểu thư mặc đồng phục váy màu xanh đậm, mặt hoa da phấn, riu rít tan trường, mà lòng bồi hồi tưởng nhớ những bóng hình xưa cũ. Đôi khi Thiếu tá Son Sanjivith mời

về nhà dùng cơm. Vợ anh là người Cam Bốt, xinh đẹp, quý phái, lịch sự. Đáp lễ, thỉnh thoảng tôi mời hai vợ chồng đi ăn những tiệm họ chọn. Theo lời khuyên của anh, tôi tránh vào những bars rượu, có bia ôm dĩ nhiên, vì người Miên, nhất là lính Miên hành quân trở về, sủng ống đẩy mình, không ưa Việt Nam. Một lần, lỡ bước vô, Hòa và tôi bị họ nhìn với cặp mắt cú vọ, khiêu khích, như chúng tôi đã nhìn lính Mỹ trong các quán bars ở Sài Gòn. Ngồi uống bia kiểu đó mất hứng và mất sướng. Ôm em trong tay mà hồi hộp không biết ăn đạn lúc nào.

Thỉnh thoảng, Trung tá Nguyễn Văn Nam cũng rủ tôi đi chơi riêng với ông. Khi thì ông gặp một người Miên lai môi giới hỏi mua chiếc xe Mustang rẻ, đem về Việt Nam miễn thuế, bắt tôi ngồi bên để ông lái thử xem máy chạy

có tốt không. Khi thì đến ăn tối tại nhà một chị Việt Kiều quen ông. Khi thì đi thăm Chùa Prasat Prak, còn gọi là Chùa Bạc Chùa Vàng (sàn lót bằng hàng ngàn mảnh bạc và có một tượng Phật khổng lồ đúc vàng), hay vào hoàng cung lộng lẫy son vàng, mái lầu cong vút, bất ngờ nhìn thấy công chúa Bopha Devi, con vua Sihanouk, nguyên trưởng đoàn múa ballet hoàng gia, năm ấy 28 tuổi, ba đời chồng, đẹp mê hồn, bị giam lỏng cùng với gia đình và nhiều mỹ nữ.

Ngoài lương căn bản trong quân đội, do đơn vị gốc giữ hộ, các sĩ quan Phái Đoàn được lãnh thêm tiền phụ cấp công tác hàng tháng bằng đô la xanh. Tôi cấp nhỏ, độc thân, lãnh khoảng \$180, đổi ra tiền riel, vật giá lại rẻ, cũng đủ xài hết tháng, một cách đế vương, có khi còn dư chút đỉnh.

Ban đêm, Phái Đoàn tự lo an ninh. Tất cả sĩ quan luân phiên trực trại, tuần tra bên trong tường building cùng với hai binh sĩ trang bị M16 và lựu đạn. Buổi sáng, nếu không có chuyện gì, ghi vào sổ “rien à signaler”, vô sự. Một vài đêm cuối tuần, không biết làm gì để giết thời gian, các sĩ quan, chờ cho Đại tá Kiểm đi ngủ, gây sòng phé đánh giải trí. Tôi và Hòa được rủ tham gia. Ai không chơi, ngồi ngoài châu rìa, tình nguyện đóng vai “thầy bàn”. Tôi mang danh “thầy cúng”, vì thua triển miên. Trung tá Nam đánh rất bạo, mới nước thứ hai đã tố xả lảng, tapis (Mỹ gọi là “all in”) liền, thua hết tiền, đứng dậy, tỉnh queo, nhưng thường thường ông thắng, vì đa số nhát, không dám bắt dù đoán ông tháu cáy. Một đêm, đang sát phạt, Đại tá Kiểm bất thần xuất hiện. Ông ghét cay ghét đắng cờ bạc,

nên la mắng tận tình, từ cấp trung tá trở xuống, ai nấy ngồi yên, chịu trận. Nhưng qua hôm sau, ông vui vẻ trở lại, coi như không có chuyện gì xảy ra. Những trận phé chui, vì thế, vẫn tiếp diễn trong hồi hộp.

Nói lại công việc dịch. Thực ra, lúc đầu, tôi cũng vất vả với những danh từ quân sự và khuôn mẫu xã giao, cả Việt lẫn Pháp, mặc dù nội dung không có gì khó khăn, gây cản. Vài lá thư thường xuyên than phiền về việc làm của một, hai đơn vị QLVNCH trong làng xã gần biên giới. Vài thư chia sẻ tin tức quân sự, báo cáo, tổng kết công tác phối hợp. Một số ít thư qua lại mang tính cách ngoại giao như mừng Ngày Quân Lực VNCH, chia buồn vụ Tướng Đỗ Cao Trí tử nạn, hoặc, ngược lại, những lễ lớn của quân đội Cam Bốt. Son Sanjivith cho tôi một

quyển cảm nang về cách viết công văn bằng tiếng Pháp với những câu xã giao có sẵn. Cứ thế mà ráp vào. Sau hai tuần, tôi quen, và bất kỳ văn thư dài ngắn, tôi chỉ đảm chiêu suy nghĩ một hồi, gõ máy chữ (lúc ấy chưa có computer) hai mươi phút là xong. Rồi thay đổi dân sự. Tự do như gió.

Đôi khi tôi đến sân tennis, gần phi trường Pochengton, múa vài đường banh cho giãn gân cốt, kiểu trưởng giả học làm sang, chứ không mong ăn cái giải gì. Nhờ vậy, một ngày đẹp trời, nhân đi xem một trận đấu quốc tế tôi được gặp tại đó một bạn JECU (Thanh Sinh Công Đại Học) cũ, xinh đẹp, vô cùng dễ thương, Yvette Trương Tấn Trung, cựu sinh viên Dược Sài Gòn. Tha hương ngộ cố tri là một trong tứ... vui. Cả hai hết sức ngạc nhiên, ôm chào nhau mà miệng

cùng lúc hỏi nhau một câu giống y chang: “Mais qu'est-ce que tu fais ici?” (Nhưng mà toa làm gì ở đây?). Yvette lấy chồng người Cam Bốt, bạn học trường Dược ở Paris, về Phnom Penh mở một tiệm thuốc Tây, cũng gần đó. Hỏi thăm nhau nhiều chuyện mới, ôn lại nhiều kỷ niệm cũ. Yvette ghi địa chỉ và số điện thoại mời “toa hôm nào đến nhà tụi này chơi.” Tôi hứa, rồi lại quên, cho đến ngày trở về Việt Nam, lên phi trường Pochengton, mới sức nhớ, nhưng trễ quá, không làm được gì nữa. Sau 1975, thỉnh thoảng tôi tự hỏi không biết Yvette và chồng con có thoát được nạn Khmer Đỏ. Năm 1988, tôi ở Paris, tìm trong niên giám điện thoại tên Yvette Trương. May quá, gọi được. Tôi nói, xin lỗi đã không đến thăm ở Phnom Penh và mừng vì Yvette và gia đình trở lại Pháp trước 1975. Lúc ấy, tại

Paris, Yvette làm trong một hãng bào chế thuốc.

Một hôm, bà Mộng Tuyền qua Phnom Penh thăm chồng. Thực sự, tôi chỉ nghe tên bà, chứ chưa hề diện kiến dung nhan và cũng chẳng biết bà hát tân nhạc hay cổ nhạc nữa. Quả thật, danh bất hư truyền. Bà rất đẹp, nước da trắng như trứng gà bóc, lại lịch thiệp, gọi tôi bằng “chú” (em). Nhân dịp, Trung tá Nguyễn Văn Nam rủ tôi cùng đi với ông bà, và vài sĩ quan khác, thăm trại Việt Kiều Phnom Penh, gần bến tàu, dưới quyền kiểm soát của chính phủ Miên. Năm 1970, sau khi Lon Nol, với sự trợ giúp của hoàng tử Sirik Matak lật đổ vua Sihanouk (Sirik Matak thuộc dòng chính, đáng lẽ lên ngôi vua, nhưng Pháp chọn Sihanouk,

nên rất hận ông này), những người Việt Nam, dù sinh trưởng tại Cam Bốt đã lâu đời, đều bị bắt giết dã man trong thảm nạn “cáp duồng”. VNCH phản ứng chậm, và hàng ngàn người đã chết, như báo chí Việt Nam thời ấy tường thuật. Một số được hồi hương. Một số đang chờ tàu hải quân chở về Việt Nam, như trại tập trung Việt Kiều mà chúng tôi đến thăm. Xem như đi công tác CTCT và sợ bị “cáp duồng” bắt tử, chúng tôi được lệnh mặc quân phục và mang theo hai cây M16.

Trại nằm trong khuôn viên một ngôi chùa lớn, trên một sân rộng, có hàng dây kẽm gai vây quanh và rải rác cả trăm lều vải. Hầu hết là những gia đình, đầy trẻ em nheo nhóc, làm ruộng hoặc đánh cá, không nói hoặc nói ít tiếng Việt. Da ngăm đen, trông không khác người Miên, tay chân khẳng khiu vì thiếu dinh

duỡng. Cảnh sống quá thảm thương. Tôi bước theo ông bà Trung tá Nam và Thiếu tá Khôi Hải quân, thăm hỏi một số đồng bào. Một cô trẻ đẹp, khoảng mười tám, da trắng, môi thắm tự nhiên, ngồi một mình buồn bã ở một góc lều. Chúng tôi dừng lại. Thấy tôi, cô nghẹn ngào khóc:

– Anh cứu em với.

– ?

– Cả gia đình em ở Kompong Thom bị giết chết hết. Em chạy trốn được xuống đây. Em chưa có chồng, anh lấy em đi, em mới thoát được chỗ này.

Tôi biết cô nói thật, và có thể với nhiều người khác, vì quá tuyệt vọng. Trung tá Nam nhìn tôi, rồi nhìn cô, an ủi:

– Tàu Hải quân sắp lên đón đồng

bào về Việt Nam. Cô đừng lo.

Còn tôi móc bóp, tặng cô một trăm riel, tương đương năm đô. Cô lắc đầu, không lấy, khóc nức nở thành tiếng. Tôi đặt số tiền dưới chân cô, chào và đi thẳng. Viết đến đây, tôi thầm hỏi, cô giờ này ở đâu, còn sống hay đã chết, hỡi cô gái tỵ nạn không biết tên, nạn nhân của chiến tranh ngu ngốc và độc ác của loài người – một Barbara trong thơ của Prévert?

## **II. Soriya : “Sweet Helen, make me immortal with a kiss”**

(Christopher Marlowe, XVIth c., Faust)

“You gods [...] ought to be ashamed of yourselves! You are always jealous...”

(lời Calypso nói với thần Hermès, trong The Odyssey của Homère, quyển V)

Tòa đại sứ VNCH gần Phái Đoàn Liên Lạc Quân Sự, trên đường Norodom, nếu tôi nhớ không lầm. Tôi chỉ đến hai lần. Lần đầu vào đầu tháng tám, 1971, khi ông Đại sứ Trần Văn Phước mở một tối tiếp tân, tôi không nhớ nhân dịp lễ nào. Cả Phái Đoàn được mời tham dự. Đèn hoa treo rực rỡ, sáng trưng. Có một số đại diện đồng minh, như Mỹ, hay Lào, Nhật, Thái Lan, Miến Điện... Ăn theo kiểu self-service, rượu vang và champagne uống thả giàn.

Một cô Cam Bốt, tay cầm ly rượu, tay cầm đĩa thức ăn, đến bàn tôi, xin ngồi cùng. Và tự giới thiệu, Soriya, thư ký đả

tự của Tòa đại sứ Việt Nam. Cô nói tiếng Pháp lưu loát, giọng trong vắt. Trong câu chuyện, cô hỏi tôi có phải là Trung úy thông dịch viên, nghe danh Trung úy lâu rồi, hôm nay mới được làm quen, v.v... Cô dáng cao gầy, nước da bánh mật, có chiếc răng khểnh xinh xinh, nhưng lúc ấy rượu vào, lại được ngồi cạnh người đẹp, tôi thấy cô quyến rũ khác thường, còn hơn cả tiên nữ giáng trần. Lòng lâng lâng yêu đời, tôi bắt đầu trở tài tán dóc, nghĩa là nói nhiều, nói dai, nói giễu hơn thường lệ. Cô kể, em quê ở Battambang, học tới Bac II, rồi đi làm, hôm nào mời anh đi về quê em chơi...

– C'est promis?

– C'est promis. Tôi hứa đại.

Lần thứ hai tôi đến Tòa đại sứ, mười ngày sau. Tìm gặp Soriya, một buổi trưa,

không hẹn trước. Cô đang đánh máy, thấy tôi, vội vàng chạy ra cửa, ôm hôn theo kiểu Đầm, mỗi má hai chiếc. Tôi mời cô tối ra phố ăn cơm. Trong tiệm, một lúc nào đó, tôi nói:

– Tên em đẹp quá. Soriya có nghĩa gì vậy?

– Mặt trời. Mặt trời sưởi ấm những trái tim lẻ loi. Anh có tin là em cô đơn?

Tôi siết nhẹ tay cô:

– Có. Bien sûr. Người ta không nói dối khi nói mình cô đơn. On ne ment pas quand on dit qu'on est seul. Hình như câu đó của James Jones trong Tant qu'il y aura des hommes.

Rồi bỗng cô ngập ngừng, hỏi:

– Sao anh lại chọn nghề này, em

muốn nói, nghề lính, bắn giết nhau, hay ho gì?

Tôi nhìn sâu vào mắt cô, để tìm xem có ẩn ý nào không, rồi chậm rãi trả lời:

– Trong lúc đất nước chiến tranh, tôi không có sự chọn lựa. Đi lính càng không phải là một chọn lựa. Có lẽ tại số. Trước khi biệt phái sang đây, tôi là lính chiến, đã bắn và bị bắn trả. Huê. Có một điều bí mật tôi muốn chia sẻ với em mà em chưa được học từ bài học philo hay littérature nào. Đó là loài người chúng ta thường bị ganh tị bởi những vị thần linh bất tử...

Cô im lặng, chưa hiểu. Sau một hớp rượu, tôi tiếp:

– Tôi đọc ở đâu đó, trong L'Iliade hay L'Odyssée của Homère, tôi không nhớ

chắc, rằng các vị thần linh trong thần thoại vì là bất tử nên thường hay ganh tị với loài người, ils nous envient, tu sais, bởi chúng ta ai cũng phải chết một ngày, sớm hay chậm hơn, mười năm, ba mươi năm, bốn mươi năm. Cho nên, mỗi một ngày trần thế của chúng ta, của em, của tôi trở thành đẹp vô ngần, quý giá hơn cả ngọc ngà, châu báu. Cũng trong L'Iliade, có đoạn viết rằng các vị thần đứng đầu là Zeus, tức Jupiter, chia làm hai phe trong cuộc chiến giữa thành Troie và Hy Lạp. Họ thêm được đánh nhau như loài người. Tôi suy diễn, thêm được chết như loài người. Vois-tu, Soriya, les dieux qui sont immortels et ceux qui se croient immortels n'ont pas le lugubre plaisir, ou plutôt l'agréable malheur, d'être condamnés à mourir, à attendre la mort à chaque instant... comme nous tous, comme moi, comme toi, d'ailleurs. Thần linh bất tử

không có cái điểm phúc bi thảm, nỗi đau thương dịu dàng được chết, được chờ đợi cái chết đến, từng phút, từng giây, không có thảm kịch bị án phải chết bất cứ lúc nào, như kiếp người mong manh. Như những người lính xông pha ngoài chiến địa... Không bao giờ tôi thấy đời đẹp, và em đẹp hơn là lúc này, khi biết đâu ngày mai ta không còn thấy nhau nữa. Em hiểu tôi chứ?

Soriya suy nghĩ, trầm ngâm, hồi lâu, rồi nói:

– Em hiểu và biết thêm nhiều điều lạ. Merci, mon cher ami.

Trước khi chia tay, cô lại nhắc chuyện đi thăm Battambang. Promis? – Promis. Tôi lại hứa.

Mãn hạn ba tháng, tôi xin Đại tá

Tô Văn Kiếm cho về Việt Nam, mặc dù ông – và cả Nguyễn An Hòa và Trung tá Nguyễn Văn Nam – cố thuyết phục tôi tiếp tục làm việc tại Phái Đoàn, thậm chí đề nghị cho nghỉ phép một tháng với gia đình, rồi trở lại cũng được. Mặc dù rất nhiều người thích qua Phnom Penh, thay chỗ của tôi. Tôi cũng không hiểu tại sao muốn về Việt Nam, trong khi không có vợ con, người yêu để mà vương bận. Có lẽ vì chán khung cảnh thành phố hàng ngày đơn điệu, trống rỗng, và thấy nhớ núi rừng và mùi hương cau, hương bưởi của những ngày hành quân qua các thôn nghèo và cánh đồng cần cỗi, những trẻ em và phụ nữ bị thương vì mìn Việt Cộng. Không còn ước mơ được làm việc tại Bộ Tổng Tham Mưu Sài Gòn nữa.

Tôi không từ già Soriya. Lời hứa đi thăm quê nàng bay theo mây khói. Mười

ba năm sau, 1984, tại trại tỵ nạn Bataan, Philippines, chợt nhớ Soriya quay quắt, và ân hận vô vàn, tôi đến khu người Cam Bốt, tìm nàng và hỏi thăm tin tức. Soriya. Không ai biết. Không chừng, năm 1975, Soriya đã bị giết bởi bọn Khmer Đỏ, một người bảo tôi, vì là nhân viên của Tòa đại sứ VNCH. Battambang “quê em” mỗi ngày một xa lắc lơ, biết bao giờ đến được? Tôi bỗng nhớ lời tôi đã nói với nàng trong tiệm ăn năm xưa: “Những vị thần bất tử thường hay ganh tị chúng ta...” Soriya có lẽ đã bị giết như hai triệu người Cam Bốt đồng hương. Như, có lẽ, Thiếu tá Son Sanjivith. Như, chắc chắn, Sirik Matak, cựu thủ tướng của họ.

### **III. Sirik Matak: “My soul, do not seek immortal life, but exhaust the realm of the possible”**

(Pindar, 518–438BC, Pythian Odes, III, 109)

Một hôm, Đại tá Kiểm bảo tôi ăn mặc chỉnh tề, lên chiếc xe Limousine hay Mercedes, tôi không nhớ, của Phái Đoàn, đi với ông đến dinh Hoàng thân Sirik Matak, quyền Thủ tướng trong thời gian Lon Nol chữa bệnh ở Hawaii. Để họp, ông giải thích, cùng với những nhân vật quan trọng khác. Tôi biết Đại tá Kiểm không cần sự thông dịch của tôi, mà không hiểu sao vẫn dẫn tôi theo, có lẽ vì lòng thương mến dành cho tôi, tôi chủ quan nghĩ như vậy. Trong khi các vị họp hành, bàn luận, tôi tìm chỗ ngồi

phía dưới cùng, lắng nghe, quan sát.

Sirik Matak có nét mặt xương xương, người gầy, dong dỏng, vẻ thông minh, nhã nhặn, nói tiếng Pháp sành sỏi. Qua bài diễn văn ngắn của ông (tôi không nhớ chính xác câu nào, mà chỉ những allusions, liên tưởng xa xôi, bóng gió bằng ngôn ngữ ngoại giao, với những động từ chia ở mode conditionnel hay subjonctif, như nous ne croirions pas que..., tout nous aurait indiqué que..., quoi qu'on puisse en dire, nous aurions de bonnes raisons pour...) tôi đánh hơi cảm nhận nơi ông một sự hoài nghi về những lời cam kết và lòng trung thành của người Mỹ đối với Cam Bốt và sự dị ứng cá nhân đối với người Việt Nam, dù Quốc gia hay Cộng sản. Nhưng ông nói rõ, ông cần sự hỗ trợ của Mỹ và Nam Việt Nam trong cuộc chiến đấu chống Bắc Việt, đang

được đỡ đầu bởi Trung Cộng (lúc ấy có tòa đại sứ, hay lãnh sự, tại Phnom Penh). Đó là lần duy nhất tôi thấy ông. Từ đó, tôi không bao giờ nhớ đến Sirik Matak nữa.

Cho đến những năm gần đây, tên ông bỗng trở về trong ký ức. Quả vậy, cứ mỗi dịp tưởng niệm ngày 30/4, đồng hương lại đem đăng tải và dịch trên báo lá thư từ chối đi Mỹ của ông gửi đại sứ John Gunther Dean. Để tôn vinh ông như một anh hùng. Trong bức thư quá nổi tiếng ấy – mà nhà báo và bình luận gia chính trị Gabriel Schoenfeld xem như một trong những tài liệu quan trọng nhất của cả thời kỳ chiến tranh Việt Nam – có một cụm chữ mà không ai dịch đúng, từ dịch giả Phạm Kim Vinh (trong Tháng 4 đen, Vietnam xuất bản, 1988) đến những bản dịch trên mạng, trong câu: “But mark it

well that, if I shall die here on the spot and in my country that I love, it is too bad [tôi nhấn mạnh] because we are all born and must die one day”. Tiếng Pháp: “Mais, notez-le bien, si je meurs ici, dans mon pays que j’aime, tant pis, car nous sommes tous nés et nous devons mourir un jour” (Olivier Todd, *Cruel Avril*, nxb Robert Laffont, 1987, tr. 274).

Phạm Kim Vinh dịch cụm từ too bad và tant pis thành: “cũng chẳng sao” (sđd, tr. 225). Chết cho quê hương mình yêu dấu đâu phải là chuyện nhỏ, mà “cũng chẳng sao” ư? Còn trên mạng thì được dịch: “đó là điều tệ hại”, hoặc tương tự. Chết cho đất nước như thế, tại sao lại là “điều tệ hại”? Chúng tôi người ta không hiểu rõ tâm tư của tác giả, Sirik Matak, và lý do khiến ông, mặc dù nói cũng như vậy, vào phút chót đã chạy vào lãnh sự

quán Pháp để rồi bị đẩy ra nộp giao cho bọn Khmer Đỏ và sau đó bị giết.

Quả vậy, *too bad* và *tant pis*, theo nghĩa thông thường và cảnh huống (contexte) của bức thư phải được dịch là “mặc kệ tôi”: “... Nếu tôi phải chết ngay tại đây, trên đất nước của tôi mà tôi yêu mến, thì cũng mặc kệ tôi, bởi vì tất cả chúng ta được sinh ra và phải chết một ngày...” “Mặc kệ tôi” hàm chứa một sự bất cần, và nhất là, ở đây, một sự uẩn ức, đối với đối tượng của bức thư, tức là chính phủ Mỹ – đã quyết định bỏ rơi Cam Bốt. Nghĩa là, tôi có chết thì cũng mặc kệ tôi, các người đừng thương tiếc làm gì, đừng nhỏ giọt nước mắt cá sấu, v.v... Điều này rất “người” (humain), nghĩa là hợp với tâm trạng chán chường, bất lực và ngôn từ bực bội của một nhà lãnh đạo một nước yếu đang thấy mình

bị phản bội bởi một đồng minh mạnh hơn. Giận người đã đánh, mà còn giận chính mình đã cả tin vào người Mỹ: “I have only committed the mistake of believing in you, the Americans”. Câu đó làm tôi nhớ bài diễn văn năm xưa của ông đã được nghe trong buổi họp. Ông đã đúng khi nghi ngờ người Mỹ. Người Mỹ đã phản bội ông, quốc gia của ông thật sự. Rõ ràng, trắng trợn. Cũng như đã phản bội kháng chiến quân Cuba năm 1961 trong vụ Bay of Pigs, Tổng thống Ngô Đình Diệm năm 1963, Việt Nam Cộng Hòa năm 1975, quốc vương Shah của Iran năm 1979, và Tổng thống Ai Cập Hosni Mubarak, đồng minh lâu đời, tháng 2/2011... Ví dụ còn nhiều. Cũng vì vậy mà Sirik Matak mới từ chối đề nghị giúp đỡ ra đi bởi chính phủ Mỹ trong một lá thư riêng gửi cho nhân dân Mỹ qua ông đại sứ Mỹ. Vấn đề chỉ là cá

nhân giữa ông và Mỹ. Như thế, không có nghĩa, và không có đoạn nào ám chỉ, ông sẽ từ chối mọi sự giúp đỡ, nếu có, nếu cần, của những tòa đại sứ khác, chẳng hạn. Thế thôi. Có như vậy người ta mới hiểu tại sao ông đã xin tỵ nạn trong lãnh sự quán Pháp.

Phải công nhận bức thư của Sirik Matak, dù được viết trong bối cảnh nào, quả là tuyệt vời. Bức thư với giọng nhẹ nhàng, lịch sự mà vô cùng cay đắng, kiêu hãnh của một nhà lãnh đạo anh hùng, có khí phách, có trách nhiệm, không đào ngũ trước khi tai họa giáng xuống. Một bản cáo trạng hùng hồn về sự phản bội, qua những câu bình dị, nhưng làm nhức nhối tâm can.

Bức thư tuyệt vời, so với bài diễn văn của Tổng thống VNCH Nguyễn Văn Thiệu. Chúng ta, những người lớn tuổi,

còn nhớ buổi tối 21/4/1975, trong giờ tổ quốc lâm nguy, ông đã lên tivi, lúc thì đánh thép lúc thì ghen ngào, để tố cáo Mỹ như thế nào về việc cúp viện trợ cho Việt Nam, nghĩa là bỏ rơi Miền Nam, nào là “Hoa kỳ nuốt lời hứa. Bây giờ còn ai tin lời của người Mỹ?”, nào là “chúng ta không thương lượng với Mỹ để có vài triệu đô la giống như chúng ta đi trả giá ngoài chợ cá”, v.v... (xem các báo cũ Việt Nam và Mỹ như The New York Times, Los Angeles Times, v.v...). Đặc biệt, câu cuối cùng: “Tôi từ chức, nhưng tôi không đào ngũ. Tôi sẽ trở về với quân đội, chiến đấu sát cánh với các chiến hữu.” Năm ngày sau, ông rời khỏi Sài Gòn trong một chiếc Mercedes bịt kín, do một đoàn xe CIA hộ tống dưới quyền chỉ huy của Frank Snepp (cf George J. Church, “Saigon: The final 10 days”, Time Magazine, 4/24/1995), ra phi trường, có đại

sứ Martin đứng chờ, để đi Taiwan trên chiếc máy bay C-130 sơn đen, với 15 tấn hành lý, và nếu ta tin lời Gabriel Kolko (The Guardian, Oct 2, 2001) “có hai va-li lớn đầy vàng”, hoặc David Lamb của tờ Los Angeles Times, “với số vàng trị giá 15 triệu dollars” (and USD 15 million in gold).

Một số phận, hai nhân vật. Bức thư của Thủ tướng Sirik Matak tuyệt vời, trên cả tuyệt vời. Cho nên đã được Henry Kissinger đọc cho Quốc Hội Mỹ, để họ nghe thấm thía thêm nỗi nhục nhã và hối hận, biết đâu! Cho nên được lưu trữ tại Thư Viện Quốc Hội Mỹ như một tài liệu quan trọng, trong khi ở đó không có bức ảnh nào của ngũ tướng tuần tiết VNCH (tại sao, mặc dù vì niềm tự hào truyền thống không ai trong chúng ta đòi hỏi phải có?). Cho nên đã được người Việt

tỵ nạn hàng năm đem ra đăng lại để tô rạng ngời thêm tấm gương dũng liệt của một lãnh tụ ngoại quốc, một đồng nạn nhân của sự tráo trở, phản trắc.

Nhưng, tiếp theo bức thư tuyệt mệnh ấy, vào ngày 17/4/1975, ông hoàng, cựu Thủ tướng Sirik Matak đã chạy vào lãnh sự quán Pháp, cùng với hai cận vệ – điều mà ít ai biết, chú ý hay còn nhớ – và những viên chức cao cấp của chế độ: Ung Boun Hor, chủ tịch Quốc Hội Cam Bốt, Long Boret, thủ tướng đương nhiệm, công chúa Mam Manivane, gốc Lào, vợ thứ sáu của Sihanouk, con gái, con rể, và hai cháu ngoại của bà, và nhiều người khác, không dưới 100. Dù không được mời. Dù bị xua đuổi thẳng thừng, thô bạo, và giao nộp cho Khmer Đỏ ba hôm sau, để tất cả bị giết sạch, kể cả đàn bà con nít, bởi loài thú hung hãn mang hình người.

Tấn thăm kịch này được kể lại, kèm theo hình ảnh, bởi nhiều nhân chứng, tác giả Pháp, Mỹ, Miên, từ Olivier Todd, François Bizet (Le Portail, La Table Ronde, 2000), đến Henry Kamm (Cambodia: Report from a Strickenland, Arcade Publishing, 1998), v.v..., và những ký giả quốc tế. Kể lại bởi những phiên tòa quốc tế xét xử bọn Khmer Đỏ. Và nhất là bởi vụ kiện được thụ lý từ tháng 4/2008 tại tòa án Créteil, Paris, do bà góa phụ Billon Ung Boun Hor, tác giả quyển Rouge barbare (Ed. Respublica, 2009), khởi tố chính phủ Pháp đã ra lệnh nộp chồng bà cho Khmer Đỏ – vụ án mà tất cả báo chí Pháp tường thuật, đang làm thức tỉnh và hổ thẹn lương tâm người Pháp, cũng như bức thư của Sirik Matak, từ 36 năm trước, đã làm thức tỉnh và hổ thẹn lương tâm người Mỹ.



Hoàng thân Ung Boun Hor, Chủ tịch Quốc Hội Cam Bốt, bị nhân viên Sứ quán Pháp đẩy ra cửa giao nộp cho Khmer Đỏ, ngày 20/4/1975. Hình trong báo Newsweek, số ngày 19/5/1975, được luật sư của bà Billon Ung Boun Hor trưng ra trước tòa, để phản bác lập luận của chính phủ Pháp cho rằng những chính khách Cam Bốt tự nguyện rời khỏi Lãnh sự quán. Trích lại từ báo Thế Giới Ngày Nay (Kansas, chủ nhiệm Lê Hồng Long) số 207, tháng 7&8, 2010, trang 36.

Chính phủ Pháp không xấu, nhưng trong vấn đề chính trị, thường phá bình, chọc gậy bánh xe, ganh đua với người Mỹ, vì mặc cảm hay hội chứng de Gaulle – chịu ơn Mỹ, nhưng vẫn ghét Mỹ. Tại Việt Nam, người ta chưa quên hành động lăng xăng của ông Jean-Marie Mérillon và Tòa đại sứ Pháp ở Sài Gòn giữa Dương Văn Minh và MT Giải phóng Miền Nam và Bắc Việt trong những ngày cận kề 30/4, tự nguyện làm trung gian cho một chính phủ trung lập, để rồi bị Bắc Việt sau khi chiến thắng đuổi chạy có cờ. Thật ngây thơ, như muôn đời họ vẫn. Và riêng ở Phnom Penh, tháng 4, 1975, con cháu của những anh hùng Charlemagne, Jeanne d'Arc, và Napoléon đã quá hèn nhát, một cách độc ác, tồi tệ.

Nhưng thôi, có ai học được chữ ngờ? Tôi xin ngưng ở đây. Việc này hãy để công

lý, lịch sử và thời gian xét xử, và không là chủ đích bài viết của tôi.

Điều tôi muốn bàn tiếp là tôi lấy làm tiếc, rất tiếc cho Sirik Matak – một người tôi đã thấy, đã nghe, đã đọc. Giá ông vẫn ngồi đó, tại bàn làm việc, và nhận phát đạn của Khmer Đỏ hay của chính mình! Bề nào thì cũng chết cho quê hương mà ông yêu dấu, như ông đã viết trong thư. Giá ông đừng chạy vào lãnh sự quán của Jean Dyrac! Để làm gì, nếu không mong bảo toàn sinh mạng và được cấp một trong 300 tờ hộ chiếu mà luật sư Patrick Baudoin của bà Billon Ung Boun Hor nói Jean Dyrac đã mang về Pháp còn trắng trơn? Như vậy, xin nhắc lại, việc Sirik Matak từ chối lời mời của John Dean chỉ là vấn đề cá nhân giữa ông và nước Mỹ. Từ chối lời mời của một đồng minh đầy quyền lực nhưng hai mặt, và gõ cửa một

người bạn mình tưởng tử tế, nhưng quá hèn mạt, xua đuổi mình trong lúc hoạn nạn, hành động nào đúng hơn? Và trước khi bị giết, ông cự thủ tướng có nghĩ rằng ông đã phạm một lỗi lầm nữa, đó là tin vào người Pháp, cũng như trước kia ông đã tin vào người Mỹ (chỉ cần đổi chữ the Americans thành les Français trong câu: “je n’ai commis qu’une erreur, ce fut de vous croire et de croire les Français”)?

Tôi không có ý phê phán Sirik Matak, vì tôi không là cái gì cả để dám xét đoán một vĩ nhân. Một lần nữa, tôi chỉ tiếc cho ông. Bức thư tuyệt diệu kia đã đưa ông lên ngôi vị anh hùng, héros, trong lòng tôi và dưới mắt hàng triệu người. Việc ông chạy lánh nạn tại lãnh sự quán Pháp đã đem ông xuống hàng mà tôi tạm gọi là “bán anh hùng”, demi-héros. “Bán anh hùng”, tức một nửa anh hùng,

nhưng vẫn hơn người phạm tục, như tôi, như biết bao kẻ khác, gặp bội. Vẫn hơn những “đồng nghiệp” của ông bên kia dòng sông Mê Kông như Nguyễn Văn Thiệu, Nguyễn Cao Kỳ, Dương Văn Minh, Vũ Văn Mẫu và một số lính (dấu hỏi) tướng Việt Nam... Vẫn hơn “đồng hương” Lon Nol lúc ấy còn tắm nắng trên bãi biển Hawaii, và Sihanouk đang mở yến tiệc linh đình tại Bắc Kinh.

Tuy nhiên, cựu thủ tướng Sirik Matak có lẽ chưa biết gương tuần tiết của những anh hùng trong lịch sử Việt Nam cận đại: Võ Tánh, Ngô Tòng Châu, Phan Thanh Giản, Hoàng Diệu, đã không tìm đường thoát thân dù bị vây khốn, và quyết chết theo thành. Của Tổng thống Ngô Đình Diệm và bào đệ cố vấn Ngô Đình Nhu, dù nếu có phạm khuyết điểm gì đi nữa, đã tỏ ra là một nhà lãnh đạo

cao cả, can trường, bằng cách khước từ lời Cabot Lodge mời đến một nơi an toàn (cf Thomas Boettcher, Vietnam, The Valor and the Sorrow, sđd) và cũng không chạy vào bất cứ tòa đại sứ nào, trên bước đường cùng, để rồi bị sát hại dã man mặc dầu đã đầu hàng (hai ông bị trói và xác bị đâm nát) bởi bọn phản tướng. Của năm vị tướng Tư lệnh của Quân Lực VNCH, Nguyễn Khoa Nam, Lê Văn Hưng, Trần Văn Hai, Lê Nguyên Vỹ, Phạm Văn Phú, đã tử tiết trong khi có đủ phương tiện ra đi. Của nhiều vị sĩ quan và quân dân cán chính vô danh khác đã âm thầm tự kết liễu đời mình. Hay, ít ra, của cựu Tổng thống Trần Văn Hương, qua bài viết mới đây bởi sử gia Trần Gia Phụng (cf “Lịch sử phán xét”, Toronto, 29/1/2011, trên website):

“Trước khi Sài Gòn sụp đổ, ngày 28-4-1975, đại sứ Pháp cho người mời tổng thống Hương di tản. Tổng thống Hương trả lời: ‘Nếu trời hại, nước tôi mất, tôi xin thể là sẽ ở lại đây và mất theo nước mình.’

Sau đó, ngày 29-4-1975, đích thân đại sứ Hoa Kỳ Graham Martin, cùng một viên tham vụ sứ quán nói tiếng Pháp, đến gặp và mời Trần Văn Hương ra đi. Hai bên nói chuyện bằng tiếng Pháp. Ông Hương trả lời: ‘Thưa Ngài Đại sứ, tôi biết tình trạng hiện nay rất là nguy hiểm. Đã đến đổi như vậy, Hoa Kỳ cũng có phần trách nhiệm trong đó. Nay ông Đại sứ đến mời tôi ly hương, tôi rất cảm ơn ông Đại sứ. Nhưng tôi đã suy nghĩ kỹ và dứt khoát ở lại với nước tôi. (.....)

Tôi là người lãnh đạo hàng đầu của họ, tôi tình nguyện ở lại để chia sẻ với họ một phần nào niềm đau khổ tủi nhục,

nổi thống khổ của người dân mất nước. Cảm ơn ông Đại sứ đã đến viếng tôi.’ Sau khi nghe Trần Văn Hương trả lời, trong đó có câu ‘Hoa Kỳ cũng có phần trách nhiệm trong đó’ (Les États Unis ont aussi leur part de responsabilité...), đại sứ Martin nhìn trân trân vào ông Hương, rồi ra đi mà chẳng bắt tay nhau.” (Trần Đông Phong, Việt Nam Cộng Hòa 10 ngày cuối cùng, California: Nxb. Nam Việt, 2006, tt. 352–355).

Những câu trên đây khí tiết, quả cảm, kiêu hãnh, mặc dù chỉ qua lời người thứ ba kể lại, của cựu Tổng thống Trần Văn Hương cũng tuyệt vời, đâu thua gì bức thư của Hoàng tử Sirik Matak, cựu thủ tướng Cam Bốt?

Bởi vì, nếu biết, có thể Sirik Matak đã phải suy nghĩ rất nhiều trước khi chạy vào lãnh sự quán Pháp. Hoặc có thể ông

không chạy đi đâu cả. Để qua đó, mãi mãi, hàng năm, cứ mỗi 30/4, khi đọc lại bức thư khẳng khái của ông, tôi và đồng hương và những thế hệ con cháu được hãnh diện trọn vẹn về ông.

Để qua đó, chúng tôi hy vọng thấy ông trong những miếu thờ tại một nơi nào trên đất Cam Bốt, cũng như các bậc đại anh hùng của tổ quốc chúng tôi trong những miếu thờ ở Việt Nam.

Các bậc đại anh hùng mang hình hài của nhân thế, khác với những vị thần linh Hy Lạp cổ xưa, dù đã trở thành bất tử sẽ không bao giờ ganh tị chúng ta, vì đã đạt đến điểm phúc bi thảm đợi chờ cái chết đến mỗi ngày, mỗi giờ, mỗi phút – đặc ân mà chỉ loài người khả tử chúng ta mới được nhận lãnh.

Điều đó, tôi cũng sẽ nói thêm cho Soriya nghe, tiếp nối câu chuyện về thần linh năm nào dở dang, nếu một mai được gặp lại nàng ở kiếp này. Hay kiếp khác.

Portland, cho Tháng Tư Đen 2011

KIM THANH





